

Số: 782/ĐHVN-VP
Vv Báo cáo ba công khai
năm học 2018 - 2019

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - Đại học Quốc gia Hà Nội

Thực hiện quy chế ba công khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Thông tư số 36/2017/TT - BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2018 thay thế Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân), Trường Đại học Việt Nhật trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội bản báo cáo ba công khai năm học 2018 - 2019 như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng đào tạo (biểu mẫu 17)
- Cam kết chất lượng đào tạo thực tế (biểu mẫu 18)

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- a. Cơ sở vật chất (biểu mẫu 19)
- b. Đội ngũ giảng viên cơ hữu (biểu mẫu 20)

3. Công khai tài chính

Theo phụ lục (biểu mẫu 21)

Các biểu mẫu xem tại biểu mẫu và phụ lục đính kèm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VP, H.5

HIỆU TRƯỞNG *đl*



Furuta Motoo

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Nhà trường năm học 2018-2019

1. Chuyên ngành đào tạo: 07 chuyên ngành, bao gồm:

Thạc sĩ Chính sách công	Thí điểm
Thạc sĩ Công nghệ Nano	Thí điểm
Thạc sĩ Khu vực học	Thí điểm
Thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng	Thí điểm
Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường	Thí điểm
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	8340101.01
Thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển	Thí điểm

STT	Nội dung	Thạc sĩ
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	1. Điều kiện về văn bằng, kinh nghiệm chuyên môn - Thí sinh dự tuyển xem yêu cầu về điều kiện văn bằng và kinh nghiệm công tác của từng chương trình tại website: http://vju.ac.vn/graduate-program-gp0.html. - Thí sinh dự kiến nhận bằng tốt nghiệp đại học trước ngày khai giảng đáp ứng được các yêu cầu trong thông báo này có thể dự tuyển với điều kiện sẽ nộp bổ sung đầy đủ hồ sơ trước thời điểm nhập học chính thức. 2. Điều kiện về ngôn ngữ - Thí sinh dự tuyển xem yêu cầu về điều kiện ngoại ngữ của từng chương trình tại website: http://vju.ac.vn/graduate-program-gp0.html. 3. Các yêu cầu khác - Lí lịch bản thân rõ ràng (<i>không trong thời gian thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên</i>); - Đảm bảo điều kiện sức sức khoẻ cho quá trình học tập; - Đối với các ứng viên là người nước ngoài phải có đầy đủ minh chứng về tài chính cần thiết cho quá trình học tập và sinh hoạt tại Việt Nam.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình	1) Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức nâng cao và cập nhật nhất về chuyên môn cho học viên dựa trên nền tảng hệ thống lý thuyết hiện đại, hệ thống phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận liên ngành đang được vận dụng trong giới khoa học quốc tế, đặc biệt là

STT	Nội dung	Thạc sĩ
	độ ngoại ngữ đạt được	tại các trường đại học, Viện nghiên cứu hàng đầu ở Nhật Bản và Việt Nam; 2) Về kỹ năng: Trang bị các phương pháp nghiên cứu, các kỹ năng phát hiện và phân tích vấn đề, đưa ra giải pháp, có khả năng áp dụng kiến thức vào thực tế; 3) Về thái độ: Học viên phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, sẵn sàng đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, nền khoa học và sự phát triển của đất nước và nhân loại 4) Về ngoại ngữ: Học viên tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho người Việt Nam
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	Các chương trình đào tạo của Trường được thực hiện với ít nhất 50% giờ giảng dạy bởi các chuyên gia, giáo sư quốc tế, tạo điều kiện cho người học trải nghiệm môi trường quốc tế. Dựa trên kinh nghiệm của các trường đại học Nhật Bản, các chương trình đã đưa hình thức seminar vào một số học phần để phát triển kỹ năng giao tiếp, thảo luận, làm việc nhóm và tăng cường sự tương tác giữa giảng viên với học viên và giữa học viên với học viên. Nội dung của các học phần có tính thực tiễn cao, có sự tham gia giảng dạy của nhiều chuyên gia giàu kinh nghiệm đến từ các tổ chức, doanh nghiệp Nhật Bản và Việt Nam. Học viên sẽ có cơ hội tiếp xúc với các tổ chức, doanh nghiệp thông qua các chương trình Internship. Học viên có cơ hội được học tập tại các trường đại học hàng đầu Nhật Bản thông qua chương trình Internship tại các trường đại học đối tác ở Nhật Bản Học viên theo học tại Trường được hỗ trợ các suất học bổng toàn phần và bán phần theo từng học kỳ dựa trên kết quả học tập của kỳ trước đó, tạo động lực học tập cho học viên. Ngoài ra, Trường còn cấp các suất học bổng cho học viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ người học trang trải một phần trong quá trình theo học tại trường Ngoài các hỗ trợ về học bổng, Trường có ngân sách cho học viên, giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Các đề tài được nghiệm thu những năm vừa qua đều được đánh giá cao từ hội đồng chuyên môn.
IV	Chương trình đào tạo thạc sĩ	07 chuyên ngành đào tạo: Thạc sĩ Chính sách công Thạc sĩ Công nghệ Nano Thạc sĩ Khu vực học Thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng Thạc sĩ Kỹ thuật môi trường

STT	Nội dung	Thạc sĩ
		Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Tham gia các khóa đào tạo tiến sĩ cả trong nước cũng như nước ngoài, đặc biệt là Nhật Bản Tham gia vào các nhóm nghiên cứu, viện nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn
VI	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	Học viên có khả năng đảm nhiệm các công việc đòi hỏi khả năng nghiên cứu tổng hợp, liên ngành tại các tổ chức quốc tế, cơ quan ngoại giao, tổ chức chính phủ và các tổ chức phi chính phủ, các trường đại học và các viện nghiên cứu, công ty thương mại dịch vụ, trong đó có các công ty của Nhật Bản. Học viên có khả năng tự khởi nghiệp và trở thành chủ doanh nghiệp hoặc đảm nhiệm các vị trí công tác quản lý tại các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp Nhật Bản. Tham gia hoạch định chính sách trong các cơ quan, tổ chức của chính phủ, Bộ, Ban, Ngành. Học viên tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học bậc tiến sĩ tại các trường đại học hàng đầu của Nhật Bản và thế giới.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019.

HIỆU TRƯỞNG

Furuta Motoo

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NHẬT

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Nhà trường
năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Khối ngành I	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Khối ngành II	-	-	-	-	X	X	X	X
3	Khối ngành III - Quản trị kinh doanh	-	35	-	-	X	X	X	X
4	Khối ngành IV	-	-	-	-	X	X	X	X
5	Khối ngành V	-	-	-	-	X	X	X	X
6	Khối ngành VI	-	-	-	-	X	X	X	X
7	Khối ngành VII	-	-	-	-	X	X	X	X
8	Liên ngành	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kỹ thuật hạ tầng	20	-	-	-	-	-	-	-
	- Kỹ thuật môi trường	22	-	-	-	-	-	-	-

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	- Khu vực học	20	-	-	-	-	-	-	-
	- Chính sách công	25	-	-	-	-	-	-	-
	- Công nghệ Nano	16	-	-	-	-	-	-	-
	- Biến đổi khí hậu và phát triển	22	-	-	-	-	-	-	-

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành III (MBA)	17				
2	Liên ngành					
I	MAS	08				
II	MPP	12				
III	MEE	06				
IV	MIE	07				
V	MNT	08				

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát}) * 100$

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Khu vực học: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-khu-vuc-hoc-pdd1.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Chính sách công: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-chinh-sach-cong-pdd7.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-quan-tri-kinh-doanh-pdd2.html>

- Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật môi trường: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-ky-thuat-moi-truong-pdd5.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Kỹ thuật hạ tầng: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-ky-thuat-ha-tang-pdd3.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Công nghệ Nano: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-cong-nghe-nano-pdd6.html>
- Chương trình đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển: <http://vju.vnu.edu.vn/chuong-trinh-thac-sy-bien-doi-khi-hau-va-phat-trien-pdd4.html>

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1			
2			

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

- Thông tin chi tiết về luận văn thạc sĩ của Trường Đại học Việt Nhật được upload website của Trung tâm Thông tin thư viện, ĐHQGHN: https://repository.vnu.edu.vn/handle/VNU_123/64210

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Thạc sĩ	Sự biến đổi của tông phái Tịnh Độ Chân tông sau Phong trào phê Phật hủy Thích thời cận đại Nhật Bản - Trường hợp phái Honganji ở tỉnh Kagoshima	Ngô Lan Anh	PGS.TS. Phạm Thị Thu Giang GS.TS. Saito Mareshi	
2		Tình hình ứng dụng Active learning trong giáo dục tiếng Nhật tại Việt Nam - Trường hợp giáo dục tiếng Nhật trong trường đại học tại Hà Nội	Trần Minh Anh	GS.TS. Miyazaki Satoshi	
3		Yếu tố gốc Hán trong từ mới tiếng Nhật thế kỷ XXI	Hoàng Thị Chăm	TS. Ito Mariko GS.TS. Saito Mareshi	
4		Lối sống thực tế - thực dụng của sinh viên Việt Nam hiện nay- Nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội	Ngô Xuân Công	GS.TS. Phạm Hồng Tung	
5		Yếu tố văn hoá trong phát triển off-shore của các doanh nghiệp Nhật Bản- Nghiên cứu trường	Nguyễn Quang Diệu	TS. Võ Minh Vũ GS.TS. Shimizu Takashi	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		hợp các doanh nghiệp IT đang đầu tư vào Việt Nam			
6		Hình tượng trẻ em trong thơ chữ Hán hậu kỳ Edo	Đỗ Thị Mai	PGS.TS.Phan Hải Linh GS.TS.Saito Mareshi	
7		Chính sách giáo dục tiếng Nhật bậc trung học tại Việt Nam- Nghiên cứu trường hợp các trường trung học phổ thông tại Hà Nội	Nguyễn Kim Ngân	GS.TS.Miyazaki Satoshi	
8		Xây dựng văn hóa Compliance hậu sáp nhập trong các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam	Lê Thị Mỹ Phương	TS.Nguyễn Phương Thúy GS.TS.Shimizu Takashi	
9		Ảnh hưởng của truyện tranh Nhật Bản (manga) đối với giới trẻ Việt Nam- Trường hợp trường THPT Khoa học Giáo dục	Doãn Hải Thu	GS.TSKH. Vũ Minh Giang	
10		Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua túi vải của khách hàng	Trịnh Ngọc Hồng Anh	PGS.TS. Vũ Anh Dũng GS.TS. Tohru Inoue	
11		Đánh giá sự ảnh hưởng của thông điệp marketing xanh đối với ý định mua của khách hàng	Đỗ Như Chinh	PGS.TS. Vũ Anh Dũng GS.TS. Yoshiki Matsui	
12		Các nhân tố tác động đến ý định sử dụng dịch vụ gọi món trực tuyến tại Việt Nam	Đinh Tiến Dũng	TS.Trần Thị Bích Hạnh GS.TS.Motonari Tanabu	
13		Mối quan hệ giữa nhận thức về hoạt động đào tạo và sự gắn kết với công việc của nhân viên: Tác động của khen thưởng và lòng tin vào khả năng của bản thân	Hoàng Vũ Dương	TS.Trần Huy Phương PGS.TS.Kodo Yokozawa	
14		Tác động của Quản trị doanh nghiệp đối với hoạt động của doanh nghiệp: Bằng chứng thực nghiệm từ các công ty niêm yết tại Việt Nam	Trần Lê Thu Hà	GS.TS.Tohru Inoue TS.Hoàng Việt Hà	
15		Đánh giá các nhân tố tác động đến quyết định mua bảo hiểm phi nhân thọ của người tiêu dùng Việt Nam.	Phan Minh Hải	PGS.TS.Pham Thị Liên GS.TS.Hiroshi Morita	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
16		Ảnh hưởng của chất lượng dịch vụ vé giao thông công cộng tới dự định hành vi của khách hàng: Trường hợp tuyến buýt nhanh (BRT) số 1 (Kim Mã - Yên Nghĩa) tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nguyễn Hồng Hạnh	TS.Mai Anh GS.TS.Motonari Tanabu	
17		Nghiên cứu về những nhân tố ảnh hưởng đến hành vi quyết định mua của khách hàng trên thị trường nội thất tại Hà Nội	Trần Quang Hoàn	PGS.TS.Phạm Thị Liên GS.TS.Hiroshi Morita	
18		Tác động của thuộc tính bao bì đến ý định mua Bột yến mạch ăn liền của người tiêu dùng Việt Nam	Hồ Phương Hồng	PGS.TS.Phạm Thị Liên PGS.TS.Kodo Yokozawa	
19		Tác động của hành vi cùng tạo giá trị của khách hàng tới chất lượng dịch vụ giao hàng đám đông	Vũ Lê Huy	PGS.TS.Vũ Anh Dũng GS.TS.Yoshiki Matsui	
20		Tác động của môi trường sáng tạo tổ chức đến hành vi đổi mới của nhân viên: Thực tiễn từ Việt Nam	Nguyễn Thị Huyền	TS.Trần Thị Bích Hạnh GS.TS.Hiroshi Morita	
21		Đánh giá sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định năm 2018	Nguyễn Nam Khánh	PGS.TS.Vũ Anh Dũng GS.TS.Hiroshi Morita	
22		Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu suất của nhân viên kinh doanh trong ngành dịch vụ thông tin	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGS.TS.Phạm Thị Liên PGS.TS.Kodo Yokozawa	
23		Ảnh hưởng của Phong cách lãnh đạo đích thực tới sự sáng tạo của nhân viên và hành vi công dân tổ chức (OCB) tại các tổ chức tại Việt Nam thông qua trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR)	Nguyễn Thị Phương	TS.Trần Huy Phương GS.TS.Tohru Inoue	
24		Tác động của những trải nghiệm cảm xúc đến sự hài lòng của du khách và việc họ sẵn sàng giới thiệu: Trường hợp của Việt Nam	Phan Thị Thanh Tâm	PGS.TS.Phạm Thị Liên GS.TS.Motonari Tanabu	
25		Nghiên cứu về phổ dụng thanh toán di động tại Việt Nam	Đào Mạnh Tân	PGS.TS.Nguyễn Văn Định GS.TS.Motonari Tanabu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
26		Tác động của việc huấn luyện từ cấp quản lý đến sự hài lòng của nhân viên với công việc, sự cam kết của nhân viên với tổ chức và ý định nghỉ việc của nhân viên tại các Công ty vận tải và Logistics tại Việt Nam	Vũ Thị Thủy Tiên	TS.Đỗ Xuân Trường GS.TS.Daniel Arturo Heller	
27		Ảnh hưởng của nhận thức của ứng viên về sự công bằng đối với việc chấp nhận lời mời làm việc trong khu vực tư nhân ở Việt Nam	Cao Vũ Hà Trang	TS. Trần Huy Phương GS.TS.Daniel Arturo Heller	
28		Ảnh hưởng của các yếu tố tổ chức tới các hành vi lệch lạc của nhân viên: Dấu hiệu từ các công ty trong lĩnh vực dịch vụ tại Việt Nam	Nguyễn Danh Việt	TS. Trần Thị Bích Hạnh GS.TS.Daniel Arturo Heller	
29		Đánh giá những thách thức trong tiếp thị xuất khẩu: Trường hợp của vườn chuối hợp tác xã nông nghiệp Lâm Phát Hưng	Lê Vy	PGS.TS.Vũ Anh Dũng GS.TS.Yoshiki Matsui	
30		Ước tính phát thải khí nhà kính từ hoạt động quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải trang trại lợn và phụ phẩm nông nghiệp quy mô pilot tại làng quê Bắc Bộ.	Phạm Việt Biên Cường	PGS.TS.Đỗ Quang Trung GS.TS.Masaki Takaoka	
31		Kỹ thuật đồng phân huỷ yếm khí nước thải chăn nuôi lợn và rác thải nhà bếp: Ảnh hưởng của giai đoạn tiền xử lý lên mức độ hoà tan và phân huỷ sinh học của cơ chất	Đặng Trung Hiếu	PGS.TS.Cao Thế Hà GS.TS.Hidehara Yasui	
32		Đánh giá vòng đời điều hòa nhiệt độ và phân tích hành vi môi trường của người sử dụng điều hòa ở các tòa nhà văn phòng tại Hà Nội.	Nguyễn Thanh Huyền	TS.Jun Nakatani	
33		Đánh giá các hệ thống xử lý thu gom nước mưa hiện tại và đề xuất tăng cường sử dụng công nghệ lọc màng và UV.	Trần Diệu Linh	GS.TS.Jun Nakajima GS.TS.Naoyuki Kamiko	
34		Trạng thái của các mầm bệnh trong nước thải chăn nuôi lợn sau biogas khi sử dụng hệ xử lý ao bèo ở quy mô phòng thí nghiệm.	Ma Thị Trà My	PGS.TS.Cao Thế Hà GS.TS.Hirohiko Katayama	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
35		Sự phổ biến của gen kháng kháng sinh trong môi trường nước đô thị ở Hà Nội.	Nguyễn Thị Nga	PGS.TS.Ikuro Kasuga GS.TS.Hiroyuki Katayama	
36		Sử dụng vi khuẩn đặc hiệu của vật chủ 16S rRNA để theo dõi nguồn vi sinh vật trong môi trường nước tại Hà Nội, Việt Nam.	Phạm Minh Ngọc	GS.TS.Hiroyuki Katayama PGS.TS.Ikuro Kasuga	
37		Nghiên cứu khả năng rò rỉ của Asen trong tro bay từ nhà máy nhiệt điện tại Việt Nam.	Tô Hoàng Nguyên	PGS.TS.Trần Hồng Côn GS.TS.Takashi Higuchi	
38		Sử dụng chu kỳ đánh giá vòng đời để so sánh giữa hệ thống quản lý phân hữu cơ tại nhà và tại khu tập trung ở Việt Nam.	Lê Văn Sơn	GS.TS.Seiji Hashimoto PGS.TS.Nguyễn Thị Hoàng Liên	
39		Nghiên cứu thực vật tiềm năng dùng trong hệ thống bãi lọc trồng cây để nâng cao hiệu quả xử lý photpho từ nước thải chăn nuôi lợn	Vũ Thị Thơm	TS.Nguyễn Thị An Hằng TS.Nguyễn Thị Hoàng Hà	
40		Nghiên cứu thực vật liệu lọc tiềm năng dùng làm chất nền trong bãi lọc trồng cây để nâng cao hiệu quả xử lý photpho từ nước thải chăn nuôi lợn	Nguyễn Thị Thương	TS.Nguyễn Thị An Hằng TS.Vũ Ngọc Duy	
41		Đánh giá khả năng tự xử lý ô nhiễm nước thải đô thị của hệ thống cống tự xử lý quy mô phòng thí nghiệm.	Lương Hữu Trung	PGS.TS.Hiroyasu Satoh GS.TS.Jun Nakajima	
42		Nghiên cứu tĩnh và động phi tuyến của các kết cấu nanocomposite nhiều lớp trong pin mặt trời	Vũ Minh Anh	GS.TSKH.Nguyễn Đình Đức	
43		Hạn chế ảnh hưởng đến tòa nhà hiện hữu khi đào hầm trong đất mềm	Trần Quang Đức	TS.Vũ Minh Ngạn TS.Nguyễn Tiến Dũng	
44		Tác động của việc đầu tư vào công trình hạ tầng giao thông đến giá bất động sản tại Hà Nội, Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hà	GS.TS.Hironori Kato TS.Phan Lê Bình	
45		Đánh giá hiệu quả kinh tế và kỹ thuật của giải pháp sử dụng vật liệu dẻo có cốt sợi (FRP) trong sửa chữa/gia cường kết cấu cầu thép ở Việt Nam	Nguyễn Hữu Hòe	PGS.TS.Lương Xuân Bính	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
46		Tích hợp yếu tố nhận thức của người dùng trong mô hình xây dựng mức giá trần thu phí đường bộ: Nghiên cứu trường hợp của các dự án BOT tại Việt Nam	Đỗ Việt Hùng	TS.Nguyễn Hoàng Tùng	
47		Xác định hệ số cố kết ngang của đất hạt mịn bằng phương pháp gia tải trong phòng thí nghiệm	Lê Việt Hưng	TS.Nguyễn Tiến Dũng	
48		Tác động của việc đưa BRT vào vận hành, khai thác đối với hành vi đi lại ở Hà Nội	Trần Thế Huy	TS.Nguyễn Hoàng Tùng	
49		Hoạt động của dịch vụ gọi xe bằng các ứng dụng công nghệ tại thị trường Việt Nam và tác động của nó đến hành vi giao thông của người dân	Nguyễn Danh Minh	GS.TS.Hironori Kato TS.Phan Lê Bình	
50		Xây dựng bản đồ tiềm năng năng lượng gió ngoài khơi dọc bờ biển Việt Nam	Vũ Đình Quang	GS.TSKH.Nguyễn Đình Đức TS.Đoàn Quang Văn	
51		Đánh giá tính hiệu quả của phương pháp gia cố nền đất yếu bằng cọc xi măng đất mở rộng đỉnh	Nguyễn Đức Trung	TS.Nguyễn Tiến Dũng	
52		Nghiên cứu thực nghiệm về cường độ và tính thấm của bê tông rỗng có chứa tro bay, xỉ lò cao và silica fume	Trần Thanh Tuấn	TS.Dương Quang Hùng PGS.TS.Kohei Nagai	
53		Mối liên hệ giữa không gian đi bộ với khoảng cách đi bộ tới điểm dừng giao thông công cộng tại Hà Nội	Chu Anh Tuấn	GS.TS.Hironori Kato TS.Phan Lê Bình	
54		Một ước tính sinh khối và đánh giá khả năng cân bằng sinh thái trong khu vực hành lang xanh Hà Nội	Hoàng Đình Việt	TS.Lê Quỳnh Chi	
55		Nghiên cứu lớp màng đồng nhất có chiết suất thấp nhằm ứng dụng vào vật liệu metamaterial	Phạm Đình Đạt	TS. Phạm Tiến Thành	
56		Nghiên cứu vật liệu metamaterial hấp thụ ánh sáng dựa trên cấu trúc nano có trong tự nhiên	Đào Trung Đức	TS. Phạm Tiến Thành	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
57		Nghiên cứu chế tạo vật liệu composit mangan dioxid/graphene bằng phương pháp điện hoá hỗ trợ plasma và khảo sát tính chất điện hoá	Nguyễn Thanh Hải	TS. Phan Ngọc Hồng	
58		Màng mỏng nền ZnO không pha tạp và pha tạp bằng phương pháp dung dịch: Chế tạo và khảo sát	Lê Thị Hiền	TS. Bùi Nguyên Quốc Trinh	
59		Mô phỏng lượng tử sự hấp phụ các hợp chất hữu cơ bay hơi trên bề mặt silicene	Phạm Trọng Lâm	TS. Đinh Văn An	
60		Mô phỏng lượng tử sự hấp phụ các khí độc trên bề mặt borophene	Tạ Thị Lương	TS. Đinh Văn An	
61		Mô phỏng động học nguyên tử sự khuếch tán của các-bon trong sắt alpha với sự hiện diện của khuyết dạng điểm	Hồ Ngọc Nam	GS. TS. Yoji Shibutani TS. Nguyễn Tiến Quang	
62		Tối ưu hóa hạt nano đa chức năng nhằm ứng dụng trong cảm biến sinh học	Lô Tuấn Sơn	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Nam	
63		Nghiên cứu tương tác của thụ thể mu-opioid khi liên kết với các phối tử có và không có định hướng bằng mô phỏng động lực học phân tử	Trần Kỳ Thanh	PGS. TS. Nguyễn Thế Toàn	
64		Chế tạo và nghiên cứu đặc tính quang học của cấu trúc nanocups Kim loại-Chất điện môi-Kim loại	Vũ Minh Thông	TS. Phạm Tiến Thành GS. TSKH. Nguyễn Hoàng Lương	
65		Gỡ bỏ rào cản cho người sống cùng với HIV trong việc tiếp cận và sử dụng bảo hiểm y tế tại Việt Nam	Nguyễn Kiều An	GS. TS. Bùi Thế Cường	
66		Các yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng của các hộ nông dân nhỏ ở Việt Nam: Nghiên cứu tình huống về cho vay theo chuỗi ở khu vực ngoại thành Hà Nội.	Nguyễn Trần Hoàng Anh	TS. Trương Thị Thu Trang	
67		Xung đột nước liên quan đến quản lý hồ chứa đa mục tiêu ở Lưu vực sông Vũ Gia - Thu Bồn	Nguyễn Thị Nhật Anh	GS. TS. Naka Shigeto PGS. TS. Fukuzumi Masakazu	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
68		Nghiên cứu về dự báo dân số Hà Nội 2019-2049	Hoàng Hải Châu	GS.TS.Okamoto Naohisa TS.Đặng Quang Vinh	
69		Quy định về Bitcoin ở Việt Nam - Ứng dụng lý thuyết trò chơi hợp tác trong phân tích chia sẻ chi phí của Bitcoin	Vũ Hoàng Dũng	TS.Vũ Hoàng Linh PGS.TS.Masakazu Fukuzumi	
70		Nghiên cứu từ góc độ giới về thực trạng chia sẻ việc nhà ở Việt Nam	Nguyễn Thu Hà	TS.Bùi Hải Thiêm GS.TS.Okamoto Naohisa	
71		Phân tích không gian các nguồn thu nhập theo cấp tỉnh ở Việt Nam những năm gần đây.	Nguyễn Thu Hằng	GS.TS.Morito Tsutsumi	
72		Tăng cường vai trò của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam trong việc thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	Phan Thị Quỳnh Hoa	TS.Nguyễn Ngọc Huy	
73		Một nghiên cứu về tình gián biên chế trong khu vực công qua việc thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập ở Việt Nam	Trần Xuân Học	TS.Bùi Hải Thiêm GS.TS.Toru Yanagihara	
74		Sử dụng dữ liệu lớn để xây dựng chỉ số giá bất động sản ở Việt Nam: Trường hợp của Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Hưng	TS.Vũ Hoàng Linh	
75		Đánh giá đào tạo nghề cho phụ nữ khuyết tật ở Việt Nam	Phạm Thị Lan Hương	TS.Nguyễn Thùy Anh TS.Jun Kawaguchi	
76		Tác động tới tiêu dùng của việc áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng nước ngọt tại Việt Nam	Lương Ngọc Mỹ Linh	TS.Vũ Hoàng Linh PGS.TS.Naoko Kaida	
77		Phân tích so sánh khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và Nhật Bản trong lĩnh vực An ninh mạng	Vũ Phương Linh	TS.Bùi Hải Thiêm TS.Takaaki Kobayashi	
78		Tầm quan trọng của PCI đối với môi trường kinh doanh tốt hơn tại Việt Nam giai đoạn 2016-2018: Các vấn đề và hàm ý chính sách	Nguyễn Hoàng Long	PGS.TS.Trần Thị Thanh Thủy GS.TS.Yutaka Tsujinaka	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
79		Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sử dụng vốn tín dụng vi mô của hộ nghèo tại Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (VBSP): Trường hợp của Huyện Sóc Sơn	Nguyễn Hải Long	TS.Bùi Hải Thiêm GS.TS.Hiroichi Kawashima	
80		E-learning trong giáo dục đại học tại Việt Nam - Trường hợp của FUNIX	Chu Ngọc Mai	TS.Nguyễn Thủy Anh	
81		Chính sách thuế giúp ổn định ngân sách nhà nước ở Việt Nam	Lưu Thị Tâm	TS.Nguyễn Cẩm Nhung	
82		Tác động của thuế tiêu thụ đặc biệt lên các mặt hàng có hại cho sức khỏe ở Việt Nam: Phân tích sử dụng mô hình cân bằng tổng thể khả toán	Đặng Thị Bích Thảo	TS. Nguyễn Tiến Dũng TS. Trần Lâm Ánh Dương	
83		Kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội	Hoàng Thị Thanh Thủy	TS. Nguyễn Thủy Anh TS.Jun Kawaguchi	

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	International Symposium The 150th Anniversary of Meiji Restoration: Implications for Vietnam	22/11/2018	International Convention Center - 11 Le Hong Phong	

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
2	International Workshop on “Southeast Asia Research-based Network on Climate Change Adaptation Science (SARNCCAR)”	21-22/12/2018	Ibaraki University and Vietnam Institute of Economics	
3	Hanoi Forum 2018 on “Towards Sustainable Development”	08-10/12/2018	Đại học Quốc gia Hà Nội	
4	Seminar on Introduction to National Foundation for Science and Technology (Nafosted) and some directions for research development of Vietnam in the near future	1/2019	Trường Đại học Việt Nhật	
5	4th International Forum on Sustainable Future in Asia; 4th NIES International Forum	23-24/01/2019	Pan Pacific Hanoi, Hanoi	
6	Training Workshop on "Developing Science and Technology Activities at Universities/International Research Institutes – Experiences from Regional Countries"	16/03/2019	Trường Đại học Việt Nhật	
7	The 3 rd lecture series on “Legal topics in Vietnam and Japan”	03/5/2019	Trường Đại học Việt Nhật	
8	Vietnam – Japan Science and Technology Symposium 2019 (VJST2019): “Towards Sustainable Development”	04/05/2019	Trường Đại học Việt Nhật	

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (ĐVT: Triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	105.99-2018.13 Nghiên cứu phát triển mô hình bãi lọc trồng cây kiêu lai dựa trên vật liệu hấp phụ bản địa để nâng cao hiệu quả xử lý phospho trong nước thải chăn nuôi lợn ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Việt Nam	TS. Nguyễn Thị An Hằng, TS. Vũ Ngọc Duy, TS. Đặng Thanh Tú, TS. Nguyễn Minh Phương, TS. Nguyễn Mạnh Khải	ĐH Công nghệ Sydney	T12/2018-T12/2021	969	Đề xuất hệ thống bãi lọc trồng cây kiêu lai sử dụng chất nền là vật liệu pháp phụ sẵn có tại các địa phương phù hợp với vùng nông thôn Việt Nam, nghiên cứu xử lý các loại nước thải có tải lượng photpho cao khác
	Nghiên cứu mô phỏng và thực nghiệm quá trình hấp phụ các hợp chất hữu cơ bay hơi trên bề mặt vật liệu hai chiều MoS2 và Graphene	TS. Đinh Văn An, PGS.TS. Nguyễn Đức Hòa, TS. Phùng Thị Việt Bắc, ThS. Phạm Trọng Lâm, THs. Tạ thị Lương NCS Trần Thiện Lân, Ths. Dương Diễm My,	ĐH Huế, ĐH Bách Khoa Hà Nội	T4/2019-T4/2021	950	Thiết kế, phát triển và chế tạo cảm biến khí đo đặc nồng độ các khí VOCs trong hơi thở nhằm ứng dụng chuẩn đoán một số bệnh liên quan như ung thư phổi, đường ruột
	Nghiên cứu ảnh hưởng của các hoạt động xúc tiến xanh của doanh nghiệp đến hành vi tiêu dùng xanh của khách hàng	TS. Trần Thị Bích Hạnh, PGS.TS. Vũ Anh Dũng, PGS.TS. Phạm Thị Liên, PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi, Đặng Xuân Minh, Ths. Nguyễn Ngọc Hương	Đại học Kinh tế, ĐHQGHN Khoa Quốc tế, ĐHQGHN	T5/2019-T5/2021	785	Kết quả nghiên cứu được công bố tại các hội thảo và tạp chí uy tín. Các kết luận theo bằng chứng thực nghiệm sẽ giúp các công ty có thêm thông tin về hiệu quả áp dụng các hoạt động xúc tiến xanh và có thêm hiểu biết của khách hàng về hành vi tiêu dùng xanh

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (ĐVT: Triệu đồng)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Từ các yếu tố hướng tới hợp tác với doanh nghiệp tới hiệu quả về đổi mới, cạnh tranh của các trường đại học tại Việt Nam	TS. Trần Thị Bích Hạnh, PGS.TS. Vũ Anh Dũng, PGS.TS Phạm Thị Liên, TS. Tạ Thị Thu Hiền, Đặng Xuân Minh, Ths. Nguyễn Ngọc Hương	AVM Việt Nam, ĐH Kinh tế, ĐHQGHN	T1/2019- T12/2020	300	Kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào giảng dạy, nghiên cứu trong chương trình quản trị Kinh Doanh ĐH Việt Nhật, là kết quả cho 01 sinh viên thạc sỹ hoàn thành khóa luận tốt nghiệp

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận
1						Ngày cấp Giá trị đến

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Furuta Motoo

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Nhà trường năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng				
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính: Hòa Lạc	750,000	X		
b	Phân hiệu tại:				
c	Cơ sở 2 tại: Lưu Hữu Phước, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	2,868			X
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học				
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính: Hòa Lạc				
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại: Lưu Hữu Phước, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	431			X

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	04	Học tập và nghiên cứu khoa học	Sinh viên, Giảng viên các chương trình MNT, MIE, MCCD, MEE	431	X		
2	Phòng thực hành...	04	Học tập và nghiên cứu khoa học	Sinh viên, Giảng viên các chương trình MNT,	431	X		

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
				MIE, MCCD, MEE				
3	Xưởng thực tập...							
4	Nhà đa năng: Khu Liên hợp thể thao ĐHQGHN	01	Hoạt động thể chất	Sinh viên, giảng viên, CBCNV	7,000		X	
5	Hội trường	01	Học tập, sự kiện, hội thảo	Sinh viên, giảng viên, CBCNV	520 chỗ ngồi		X	
6	Phòng học	17	Học tập	Sinh viên, giảng viên	1,140			X
7	Phòng học đa phương tiện	15	Học tập	Sinh viên, giảng viên				X
8	Thư viện	01	Học tập và nghiên cứu khoa học	Học viên, giảng viên, CBCNV	114			X
9	Trung tâm học liệu: Trung tâm Thông tin- Thư viện (ĐHQGHN, ĐH Yokohama, ĐH Tsukuba)	03					X	
10	Các phòng chức năng khác: Phòng tự học	01	Học tập và nghiên cứu khoa học	Sinh viên, giảng viên	30			X
11	Các phòng chức năng khác: Căng tin	01	Sinh hoạt chung, ăn uống	Sinh viên, giảng viên, CBCNV	30			X
12	Ký túc xá, nhà khách	03			1,272 phòng		X	
13	Trung tâm giáo dục quốc phòng	01			20,000		X	

Ghi chú: Chưa bao gồm cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thực hành của Trường Đại học đối tác tại Nhật Bản mà sinh viên được phép khai thác, sử dụng trong thời gian thực tập tại Nhật và sử dụng online.

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	500
3	Số máy tính của thư viện	06
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	1,651,700
	Thư viện riêng tại trường.	1,700
	Thư viện dùng chung trong ĐHQGHN:	1,650,000
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	01

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	4,658 m ² /SV
2	Diện tích sàn/sinh viên	17.8 m ² /SV

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Furuta Motoo

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu
của Nhà trường năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	20	4	1	20							
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành – Khối ngành III	2			2							
2	Giảng viên cơ hữu- liên ngành	18	4	1	18							

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
Khối ngành III						
Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh						
1	Yoshifumi Hino	1988	Nam		TS	Quản Trị Kinh Doanh
2	Trần Thị Bích Hạnh	1984	Nữ		TS	Quản Trị Kinh Doanh
Liên Ngành						
I	Chương trình thạc sĩ Chính sách công					
1	Vũ Hoàng Linh	1976	Nam		TS	Chính sách công
2	Ryotaro Katsura		Nam	GS		Chính sách công
II	Chương trình thạc sĩ Biến đổi khí hậu và phát triển					
1	Akihiko Kotera	1972	Nam		TS	Biến đổi Khí hậu Và Phát Triển
2	Nguyễn Ngọc Huy	1979	Nam		TS	Biến đổi Khí hậu Và Phát Triển
III	Chương trình thạc sĩ Kỹ thuật Hạ tầng					
1	Phan Lê Bình	1973	Nam		TS	Kỹ thuật Hạ tầng
2	Nguyễn Tiến Dũng	1978	Nam		TS	Kỹ thuật Hạ tầng
IV	Chương trình thạc sĩ Công nghệ Nano					

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Yoji Shibutani	1958	Nam	GS	TS	Công nghệ Nano
2	Đình Văn An	1963	Nam		TS	Công nghệ Nano
3	Phạm Tiến Thành	1984	Nam		TS	Công nghệ Nano
4	Nguyễn Hoàng Oanh	1979	Nam		TS	Công nghệ Nano
V Chương trình thạc sĩ Khu vực học						
1	Furuta Motoo	1949	Nam	GS		
2	Ito Mariko	1975	Nữ		TS	Khu vực học
3	Hisashi Nakatomi		Nam	GS		Khu vực học
VI Chương trình thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường						
1	Nguyễn Thị An Hằng	1975	Nữ		TS	Kỹ Thuật Môi Trường
2	Ikuro Kasuga	1977	Nam	PGS	TS	Kỹ Thuật Môi Trường
3	Trần Thị Việt Hà	1991	Nữ		TS	Kỹ Thuật Môi Trường
4	Jun Nakajima	1951	Nam	GS	TS	Kỹ Thuật Môi Trường
Giảng viên tiếng Nhật (giảng dạy cho tất cả các chương trình trên)						
1	Shinobu Aibara		Nữ		TS	Đào tạo Tiếng Nhật
2	Chiharu Matsunami	1980	Nữ		TS	Đào tạo Tiếng Nhật
3	Vương Thị Bích Liên	1976	Nữ		TS	Đào tạo Tiếng Nhật

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành III	7.4
2	Liên Ngành	2.69

Ghi chú: Số liệu trên chưa bao gồm giảng viên phái cử của các Trường đại học đối tác tại Nhật tham gia giảng dạy mà được phép tính là giảng viên cơ hữu khi xây dựng đề án mở ngành.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Furuta Motoo

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NHẬT

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của Nhà trường năm học 2018-2019

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2019-2020	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ			
	Ngành Kỹ Thuật hạ tầng	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Kỹ Thuật môi trường	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Công nghệ Nano	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Khu vực học	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Chính sách công	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Biến đổi khí hậu	Triệu đồng/năm	37,5	75
	Ngành Lãnh đạo toàn cầu	Triệu đồng/năm	37,5	75
3	Đại học			
	Ngành Nhật Bản Học	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2019-2020	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	8,5	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	5,8	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	0,678	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	0,331	
5	Tài trợ học bổng, hỗ trợ học tập, nghiên cứu từ các tổ chức, cá nhân Nhật Bản (bao gồm cả hiện vật thiết bị)	Tỷ đồng	1,9	

Ghi chú: Chưa bao gồm hỗ trợ tài chính của Chính phủ Nhật bản thông qua Dự án Hỗ trợ kỹ thuật đào tạo các Chương trình thạc sĩ tại Trường Đại học Việt Nhật (Trường Đại học đối tác, phái cử giảng viên, chuyên gia, thực tập tại Nhật, hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu và hỗ trợ tại địa phương).

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Furuta Motoo